

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2024/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công
và thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm hàng hoá, dịch vụ
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHÓA XIX, KỶ HỌP THỨ HAI MƯƠI MỐT**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản
Việt Nam;
Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của
Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng
nguồn vốn ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của
Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về
lựa chọn nhà thầu;
Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày
05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công
nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của*

Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 2523/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định các nội dung sau:

a) Quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam gồm: Mua sắm, thuê, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công; quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trong trường hợp bán tài sản công theo hình thức đấu giá; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại, phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước.

Việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định riêng của cơ quan, người có thẩm quyền; các nội dung không quy định cụ thể tại quy định riêng của cơ quan, người có thẩm quyền thì được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Việc mua sắm tài sản công đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ); mua sắm vật tiêu hao thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ (được bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Nghị định 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ).

b) Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam theo điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (điểm đ khoản 2 Điều 91 được bổ sung tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất).

c) Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam theo điểm c khoản 1 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam (bao gồm cả việc mua sắm tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam) theo điểm b khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

d) Quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 09 năm 2019 của Chính phủ.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan, không thực hiện theo Nghị quyết này.

3. Đối với tài sản công và hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục mua sắm tập trung theo quy định về mua sắm tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về mua sắm tập trung.

4. Các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hoá, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam chưa được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam, gồm:
 - a) Cơ quan nhà nước;
 - b) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - c) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội;
 - d) Đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân (Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh) sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh để mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công và đầu tư, mua sắm hàng hoá, dịch vụ.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm hàng hoá, dịch vụ phải đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đấu thầu, các quy định pháp luật hiện hành; phù hợp với quy định của Nhà nước về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước, phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu công tác quản lý tài chính, tài sản công của địa phương. Quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quản lý, sử dụng tài sản công, đầu tư, mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

2. Tài sản công, hàng hoá, dịch vụ được đầu tư, trang bị phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị phải sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương II

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG (KHÔNG BAO GỒM MUA SẮM TÀI SẢN CỦA CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ ĐẦU TƯ, MUA SẮM TÀI SẢN CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN)

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm cả tài sản công là vật tiêu hao) (trừ trường hợp mua sắm tài sản công tại Điều 15 và Điều 20 Nghị quyết này)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với tài sản công là: trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm cả tài sản công là vật tiêu hao) để phục vụ hoạt động thuộc phạm vi quản lý (trừ quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) và Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm cả tài sản công là vật tiêu hao) để phục vụ hoạt động thuộc phạm vi quản lý (trừ quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm cả tài sản công là vật tiêu hao) để phục vụ hoạt động thuộc phạm vi quản lý (trừ quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản (trừ trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị)

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động thuộc phạm vi quản lý.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) và Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động thuộc phạm vi quản lý (trừ quy định tại khoản 3 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công (trừ trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên khai thác tài sản công tại đơn vị)

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương quyết định việc khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc khai thác tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả Ủy ban nhân dân cấp xã).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công là: trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương quyết định thu hồi tài sản công thuộc phạm vi quản lý (trừ quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả Ủy ban nhân dân cấp xã) (trừ quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

b) Tài sản công (trừ các tài sản công quy định tại điểm a khoản 1 Điều này), trong các trường hợp:

- Điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;
- Điều chuyển tài sản công giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã;
- Điều chuyển tài sản công giữa các huyện, thị xã, thành phố (bao gồm cả cấp xã).

c) Tài sản công giữa Văn phòng Tỉnh uỷ và các đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh uỷ với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ).

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương có đơn vị dự toán trực thuộc quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản công quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả Ủy ban nhân dân cấp xã) thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản công quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản cố định (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ).

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là: trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh, cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý (trừ quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 10. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trong trường hợp bán tài sản công theo hình thức đấu giá.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp không thực hiện thanh lý tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức đấu giá.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với xe ô tô.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh và cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý (trừ quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 12. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý và tài sản công là tài sản cố định của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả Ủy ban nhân dân cấp xã).

Điều 13. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các tài sản công là: trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả Ủy ban nhân dân cấp xã) (trừ quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý, bao gồm: giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

b) Tài sản (trừ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) đối với dự án thuộc cấp tỉnh quản lý.

c) Điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án giữa cấp tỉnh và cấp huyện; giữa các huyện, thị xã, thành phố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) đối với dự án thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý; điều chuyển tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý (trừ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý.

Chương III

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM TÀI SẢN CỦA CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐỐI VỚI NGUỒN KINH PHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA ĐỊA PHƯƠNG.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của địa phương (theo điểm c khoản 1 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP của Chính phủ)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản là: trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương quyết định mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 16. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương (bao gồm cả việc mua sắm tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của địa phương) (theo điểm b khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP của Chính phủ).

1. Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Thủ trưởng đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Điều 17. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của Văn phòng Tỉnh ủy và các đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy

Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Thủ trưởng đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động thuộc phạm vi quản lý.

Điều 18. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ (trừ quy định tại Điều 17 Nghị quyết này)

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động thuộc phạm vi quản lý.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) và Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động thuộc phạm vi quản lý (trừ quy định tại khoản 3 Điều này)

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động thuộc phạm vi quản lý.

Chương V**THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC ĐẦU TƯ, MUA SẮM CÁC HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH HÀ NAM**

Điều 19. Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước của Văn phòng Tỉnh ủy và các đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy.

Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Thủ trưởng đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy quyết định việc đầu tư, mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động thuộc phạm vi quản lý.

Điều 20. Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước (trừ quy định tại Điều 19 Nghị quyết này).

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương quyết định việc đầu tư, mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) và Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định việc đầu tư, mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý (trừ quy định tại khoản 3 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc đầu tư, mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

Chương VI**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 quy định về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua

sản hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam Khoá XIX, Kỳ họp thứ hai mươi một (Kỳ họp thường lệ cuối năm 2024) thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, các Tổ, các ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- TT HĐND; UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Thanh Sơn